

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

**Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
đã được soát xét**

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-22
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-22

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1576/QĐ - BGD&ĐT – TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hồng Quế	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/4/10
Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/4/10
Ông Nguyễn Quang Tiến	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Đạt	Ủy viên	
Ông Dương Xuân Mộc	Ủy viên	
Bà Đỗ Thị Phụng	Ủy viên	Bổ nhiệm theo NQ số 231 của ĐHĐCĐ ngày 22/4/10

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hồng Quế	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tiến	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Văn Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đắc Huân	Ủy viên
Ông Lê Quang Hà	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Hồng Quế

Giám đốc

Đông Anh, ngày 05 tháng 07 năm 2010

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội được lập ngày 05 tháng 07 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		40.699.312.159	44.468.612.677
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		4.907.651.887	879.466.190
111	1. Tiền	3	4.907.651.887	879.466.190
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.160.602.145	5.189.845.329
131	1. Phải thu của khách hàng		5.755.248.368	4.451.363.531
132	2. Trả trước cho người bán		192.632.000	192.632.000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.212.721.777	545.849.798
140	IV. Hàng tồn kho		27.418.400.286	35.525.518.434
141	1. Hàng tồn kho	5	27.418.400.286	35.525.518.434
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.212.657.841	2.873.782.724
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		12.883.000	19.765.500
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.189.442.333	2.789.218.166
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	10.332.508	64.799.058
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.220.040.204	14.500.584.214
220	II. Tài sản cố định		12.798.274.817	14.355.657.285
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	12.553.448.453	14.110.830.921
222	- Nguyên giá		41.418.964.254	41.418.964.254
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(28.865.515.801)	(27.308.133.333)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	244.826.364	244.826.364
260	V. Tài sản dài hạn khác		421.765.387	144.926.929
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	421.765.387	144.926.929
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		53.919.352.363	58.969.196.891

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		30.548.403.816	34.984.468.868
310	I. Nợ ngắn hạn		30.341.544.772	34.777.609.824
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	6.000.000.000	5.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		23.715.918.919	29.166.790.901
313	3. Người mua trả tiền trước		50.000.005	106.152.140
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	521.795.964	340.228.457
316	6. Chi phí phải trả	12	40.000.000	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	666.114.263	562.564.705
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(652.284.379)	(398.126.379)
330	II. Nợ dài hạn		206.859.044	206.859.044
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		206.859.044	206.859.044
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.370.948.547	23.984.728.023
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	23.370.948.547	23.984.728.023
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		20.159.850.000	20.159.850.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.497.912.513	1.497.912.513
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		943.655.580	943.655.580
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		769.530.454	1.383.309.930
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		53.919.352.363	58.969.196.891

Dương Xuân Mộc

Kế toán trưởng

Lê Hồng Quế

Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	23.088.774.469	30.619.636.189
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	22.087.143
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	23.088.774.469	30.597.549.046
11	4. Giá vốn hàng bán	17	20.252.549.837	27.080.095.070
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.836.224.632	3.517.453.976
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	9.622.654	17.265.009
22	7. Chi phí tài chính	19	285.542.948	458.002.514
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		285.108.466	458.002.514
24	8. Chi phí bán hàng		24.010.000	28.560.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.742.810.697	1.897.009.747
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		793.483.641	1.151.146.724
31	11. Thu nhập khác		4.989.721	11.220.539
32	12. Chi phí khác		4.057.997	-
40	13. Lợi nhuận khác		931.724	11.220.539
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		794.415.365	1.162.367.263
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	198.603.841	102.757.136
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>595.811.524</u>	<u>1.059.610.127</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	296	526

Dương Xuân Mộc

Kế toán trưởng

Lê Hồng Quế

Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**Đơn vị tính: VND*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác		24.037.138.041	29.558.369.474
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(13.714.574.986)	(8.246.190.090)
3	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.481.254.871)	(3.864.780.793)
4	4. Tiền chi trả lãi vay		(285.108.466)	(378.861.055)
5	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(184.731.525)	(9.193.489)
6	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		328.123.551	288.151.937
7	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.471.437.701)	(2.739.014.967)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.228.154.043	14.608.481.017
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		-	(3.906.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.622.654	17.265.009
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.622.654	13.359.009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		6.000.000.000	2.000.000.000
34	1. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.000.000.000)	(14.602.098.484)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.209.591.000)	(1.966.332.204)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(209.591.000)	(14.568.430.688)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.028.185.697	53.409.338
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		879.466.190	1.017.023.407
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		4.907.651.887	1.070.432.745

Dương Xuân Mộc

Kế toán trưởng

Lê Hồng Quế

Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1576/QĐ - BGD&ĐT – TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 20.159.850.000 VND. Tương đương 2.015.985 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103004251 ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13 tháng 08 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, hoạt động chính của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hoá, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hoá (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 1% trên Quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế***Thuế hiện hành***

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI**Báo cáo tài chính**

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

3 . TIỀN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	7.204.188	152.826.142
Tiền gửi ngân hàng	4.900.447.699	726.640.048
	4.907.651.887	879.466.190

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu người lao động	1.187.958.795	531.086.816
Phải thu khác	24.762.982	14.762.982
	1.212.721.777	545.849.798

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.480.951.390	32.912.782.924
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.914.638.930	1.577.672.618
Thành phẩm	22.809.966	601.468.531
Hàng gửi đi bán	-	433.594.361
Cộng giá gốc hàng tồn kho	27.418.400.286	35.525.518.434

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	10.332.508	64.799.058
	10.332.508	64.799.058

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	3.530.475.908	37.040.026.943	496.850.670	351.610.733	41.418.964.254
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.530.475.908	37.040.026.943	496.850.670	351.610.733	41.418.964.254
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	2.018.756.668	24.672.352.141	440.032.558	176.991.966	27.308.133.333
Số tăng trong kỳ	102.912.342	1.417.102.402	14.917.308	22.450.416	1.557.382.468
- Trích khấu hao	102.912.342	1.417.102.402	14.917.308	22.450.416	1.557.382.468
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.121.669.010	26.089.454.543	454.949.866	199.442.382	28.865.515.801
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu năm	1.511.719.240	12.367.674.802	56.818.112	174.618.767	14.110.830.921
Cuối kỳ	1.408.806.898	10.950.572.400	41.900.804	152.168.351	12.553.448.453

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI**Báo cáo tài chính**

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	244.826.364	244.826.364
- Công trình mở rộng mặt bằng sản xuất	244.826.364	244.826.364
	244.826.364	244.826.364

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	8.853.654	14.149.220
Chi phí trả trước dài hạn khác	412.911.733	130.777.709
	421.765.387	144.926.929

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.000.000.000	5.000.000.000
- Vay ngân hàng	6.000.000.000	5.000.000.000
	6.000.000.000	5.000.000.000

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần An Bình ⁽¹⁾	6.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Gia Lâm	-	5.000.000.000
	6.000.000.000	5.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0043/10/HĐTDHM/II.18 ngày 06/05/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng là 6,5 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ 06/05/2010 đến 06/05/2011;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng giấy nhận nợ ngay khi ABBANK thông báo thay đổi lãi suất;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp nguồn thu từ các khoản phải thu từ Nhà xuất bản Giáo dục và các đơn vị trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI**Báo cáo tài chính**

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	40.167.691	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	99.063.373	85.191.057
Thuế Thu nhập cá nhân	22.400	22.400
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	382.522.500	255.015.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.000	-
	521.795.964	340.228.457

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	40.000.000	-
	40.000.000	-

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	128.406.078	112.537.544
Bảo hiểm xã hội, y tế	108.123.412	-
Trợ cấp thất nghiệp	20.110.272	-
Phải trả, phải nộp khác	409.474.501	450.027.161
	666.114.263	562.564.705

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	20.159.850.000	1.497.912.513	943.655.580	1.383.309.930	23.984.728.023
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	595.811.524	595.811.524
Chi trả cổ tức	-	-	-	(1.209.591.000)	(1.209.591.000)
Số dư cuối kỳ	20.159.850.000	1.497.912.513	943.655.580	769.530.454	23.370.948.547

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	10.281.600.000	51.00%	10.281.600.000	51.00%
Vốn góp của đối tượng khác	9.878.250.000	49.00%	9.878.250.000	49.00%
	20.159.850.000	100.00%	20.159.850.000	100.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI**Báo cáo tài chính**

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.159.850.000	20.159.850.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>20.159.850.000</i>	<i>20.159.850.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>20.159.850.000</i>	<i>20.159.850.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.209.591.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>1.209.591.000</i>	-

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.015.985	2.015.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.015.985	2.015.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.015.985</i>	<i>2.015.985</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.015.985	2.015.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.015.985</i>	<i>2.015.985</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.497.912.513	1.497.912.513
Quỹ dự phòng tài chính	943.655.580	943.655.580
	2.441.568.093	2.441.568.093

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu in ấn	22.788.792.897	30.276.122.395
Doanh thu bán giấy và phôi liệu	299.981.572	343.513.794
	23.088.774.469	30.619.636.189

16 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu thuần về in ấn	22.788.792.897	30.254.035.252
Doanh thu thuần về bán giấy và phôi liệu	299.981.572	343.513.794
	23.088.774.469	30.597.549.046

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI**Báo cáo tài chính**

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động in ấn	20.163.240.287	27.037.946.123
Giá vốn bán giấy và phế liệu	89.309.550	42.148.947
	20.252.549.837	27.080.095.070

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.622.654	17.265.009
	9.622.654	17.265.009

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	285.108.466	458.002.514
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	434.482	-
	285.542.948	458.002.514

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	794.415.365	1.162.367.263
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.000.000
- Khoản điều chỉnh tăng	-	12.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	794.415.365	1.174.367.263
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	198.603.841	293.591.816
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm 50%	-	(146.795.908)
Thuế TNDN đã được giảm theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009	-	(44.038.772)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	198.603.841	102.757.136

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	595.811.524	1.059.610.127
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	595.811.524	1.059.610.127
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.015.985	2.015.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	296	526

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.442.560.088	21.295.166.580
Chi phí nhân công	3.178.177.452	3.857.725.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.557.382.468	1.339.827.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	746.967.551	760.576.528
Chi phí khác bằng tiền	1.383.883.920	1.784.711.817
	22.308.971.479	29.038.008.221

23 . THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**a. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

b. Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu bán hàng			
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	53.671.341	48.546.799
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Đv thuộc NXBGD	15.383.269.311	20.471.939.337
- Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Đv thuộc NXBGD	1.668.670.079	1.848.406.832
- Cty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục HN	Đv thuộc NXBGD	1.226.459.709	2.514.744.737
- Cty CP Sách - TBTH Hà Tây	Đv thuộc NXBGD	1.153.711.905	-
- Cty CP Sách ĐH - dạy nghề	Đv thuộc NXBGD	1.142.080.455	-
Khách hàng trả tiền			
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	25.687.744	-
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Đv thuộc NXBGD	15.647.580.948	-
- Công ty CP Bản đồ và tranh ảnh giáo dục	Đv thuộc NXBGD	1.301.220.527	-
- Cty CP Sách ĐH - dạy nghề	Đv thuộc NXBGD	912.481.204	-
- Cty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục HN	Đv thuộc NXBGD	1.120.463.809	-
Mua hàng			
- Cty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục HN	Đv thuộc NXBGD	487.809.017	33.342.190
Phải trả lãi vay			
- Cty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Đv thuộc NXBGD	110.916.666	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu tiền hàng			
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	30.781.957	-
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Đv thuộc NXBGD	3.610.195.518	3.900.938.319
- Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Đv thuộc NXBGD	525.537.223	121.342.716
- NXBGD tại Tp. Cần Thơ	Đv thuộc NXBGD	453.722.221	-
- Tạp chí Toán tuổi thơ	Đv thuộc NXBGD	272.085.538	50.000.001
- Cty CP Sách ĐH - dạy nghề	Đv thuộc NXBGD	352.559.170	99.999.993
- Cty CP Sách - TBTH Hà Tây	Đv thuộc NXBGD	30	27.692.871
- Cty CP SGD tại TP. Hà Nội	Đv thuộc NXBGD	497.427	497.427
- Cty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Đv thuộc NXBGD	76.744.000	-
- Cty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục HN	Đv thuộc NXBGD	70.199.412	(46.396.078)
Phải thu thuê kho			
- Cty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Đv thuộc NXBGD	50.400.000	50.400.000

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 chưa được kiểm toán.

Trong kỳ, một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do sửa đổi chế độ kế toán:

Do Quỹ khen thưởng phúc lợi trước đây được trình bày và phản ánh trong chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu và từ ngày 01/01/2010 được phản ánh trên chỉ tiêu Nợ ngắn hạn.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ phải trả	300	34.984.468.868	35.382.595.247
Nợ ngắn hạn	310	34.777.609.824	35.175.736.203
Vốn chủ sở hữu	400	23.984.728.023	23.586.601.644

Dương Xuân Mộc

Kế toán trưởng

Lê Hồng Quế

Giám đốc

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2010